| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN QUAN HÓA**<br>**TỈNH THANH HÓA** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 06/2020/HNGĐ-ST
Ngày 12- 8-2020
V/v: Tranh chấp Ly hôn và nuôi con chung.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUAN HÓA, TỈNH THANH HÓA

***- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Tiến Dũng.
*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Văn Mừng
2. Bà Phạm Thị Lan

***- Thư ký phiên toà:*** Ông Nguyễn Trọng Tiến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Hóa tham gia phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Dụ – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 09/2020/TLST-HNGĐ ngày 10/02/2020 về tranh chấp "Ly hôn và nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/6/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2020/QĐST-HNGĐ ngày 30/6/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2020/QĐST-HNGĐ ngày 21/7/2020, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn*: Chị **Hà Thị Đ**, sinh năm 1978

Trú tại: Bản Chiềng, xã Nam Động, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

*Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1983

Nơi đang ký HKTT: Bản Chiềng, xã Nam Động, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Từ tháng 3/2020 ở tại: Thôn Điền Lý, xã Điền Lư, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/02/2020; Bản tự khai ngày 24/02/2020;Biên bản lấy lời khai ngày 13/5/2020; Bản tự khai ngày 08/6/2020 và quá trình xét xử, nguyên đơn Hà Thị Đ trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn H đã tự do tìm hiểu, yêu đương, không ai ép buộc ai, không bị ai ép buộc, hai người tự nguyện đến với nhau và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa

phương, đăng ký kết hôn vào ngày 15/11/2016 tại Ủy ban nhân dân xã Điền Lư, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, thì anh H chuyển khẩu lên bản Chiềng, xã Nam Động sinh sống, vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, đầm ấm. Tuy nhiên đến đầu tháng 3/2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn tình cảm, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp nhau, quan điểm sống khác nhau, dẫn đến không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân. Trong thời gian mâu thuẫn thì anh H thường có thói côn đồ, dọa đánh, giết chị và các con riêng của chị, đến tết âm lịch năm 2020 chị và các con riêng phải đi ở nhờ nhà họ hàng, nhưng anh H vẫn thường thường xuyên dùng số điện thoại lạ nhắn tin dọa nạt chị, dùng Facebook vu khống tin đồn thất thiệt đối với chị, làm chị hoang mang và ảnh hưởng rất lớn đến nghề nghiệp, nhiều lần anh H còn lên trường nơi chị công tác để chửi bới, lăng mạ chị. Từ khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn thì đã được gia đình hai bên nội ngoại và chính quyền địa phương nhiều lần dàn xếp, hòa giải nhưng vẫn không cải thiện được. Vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2020, không ai quan tâm đến ai. Đến đầu tháng 3/2020 thì anh H bỏ nhà và đem theo con nhỏ về xã Điền Lư, huyện Bá Thước để sinh sống cùng bố đẻ già yếu và 03 con riêng của anh H. Nay, chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn, để chị yên tâm công tác và nuôi con.

Về con chung: Trong thời gian hôn nhân, chị và anh Nguyễn Văn H có 01 con chung, tên cháu là: Nguyễn Phúc L, sinh ngày 20/02/2018, hiện tại cháu đang phát triển bình thường về thể chất, trí lực. Anh H không muốn ly hôn nên lấy cháu L ra để uy hiếp chị, không cho chị chăm sóc và đến gần cháu L, vì anh H rất nóng tính, nhiều lần dọa giết chị, bản thân anh H đã tự lấy dao chặt đứt ngón tay của anh ấy, nên không có gì là anh Hoàng không dám làm. Vì vậy, chị sợ anh H làm ảnh hưởng đến cháu Nguyễn Phúc L nên chị không dám tranh giành khi chưa có phán quyết của pháp luật, hiện tại cháu đang ở anh H và các 03 con riêng của anh H. Nguyện vọng của chị là muốn được là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Phúc L cho đến khi cháu trưởng thành, vì theo chị thì cháu L chưa tròn 36 tháng tuổi, chị là giáo viên sẽ chăm sóc cho cháu tốt hơn, chị có thu nhập ổn định, có nhà riêng, môi trường nơi chị sinh sống tốt sẽ đảm bảo cho cháu phát triển, còn anh Hoàng không có việc làm ổn định, thường đi bán hàng xa cả ngày và anh H đang còn phải chăm sóc bố đã già yếu và nuôi 03 con riêng của anh H với người vợ đã mất.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Trong đơn khởi kiện chị yêu cầu anh Nguyễn Văn H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000$^{đ}$ (Một triệu đồng chẵn). Tại phiên tòa chị không yêu cầu anh Nguyễn Văn H cấp dưỡng nuôi con chung, vì chị có nghề nghiệp ổn định, có thu nhập hàng tháng là 12.951.000$^{đ}$ (Mười hai triệu chín trăm năm mươi mốt nghìn đồng) đủ trang trải cuộc sống, còn anh H không có việc làm ổn định, đang nuôi bố già yếu và nuôi 03 con riêng của anh H với người vợ trước đã mất.

Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị tự nguyện nộp án phí sơ thẩm theo quy định.

*Tại bản tự khai ngày 19/02/2020 và Biên bản lấy lời khai đề ngày 19/02/2020, bị đơn Nguyễn Văn H trình bày:*

Về hôn nhân: Anh không đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của chị Hà Thị Đ, bản thân anh đang còn tình cảm với vợ, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đ, để vợ chồng quay về đoàn tụ. Anh đề nghị Tòa án chuyển hồ sơ vụ án về Tòa án nhân dân huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa để giải quyết, vì anh có cả hộ khẩu tại thôn Điền Lý, xã Điền Lư, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa.

Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Hai vợ chồng có 01 con chung như là Nguyễn Phúc L, sinh ngày 20/02/2018, hiện tại cháu đang ở với anh, nếu phải ly hôn thì nguyện vọng anh muốn được nuôi cháu L cho đến khi cháu trưởng thành, không yêu cầu chị Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

Về tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn Nguyễn Văn H đã nhận Thông báo thụ lý, viết bản tự khai, tham gia lấy lời khai, nhưng đến giai đoạn triệu tập để công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa đã cố tình trốn tránh vắng mặt trong các giai đoạn tố tụng tiếp theo. Như vậy, Bị đơn đã không thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật dân sự.

Về nội dung vụ án: Qua xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày của Nguyên đơn tại phiên tòa, xét thấy: Vợ chồng chị Hà Thị Đ và anh Nguyễn Văn H chung sống và kết hôn ngày 15/11/2016 theo đúng quy định, thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, đến tháng 3/2019 thì phát sinh mâu thuẫn và vợ chồng đã sống ly thân, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, chị Đ nhất quyết muốn ly hôn. Thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Đ và anh H có 01 con chung là cháu Nguyễn Phúc L, sinh ngày 20/02/2018, cuối tháng 3/2020 khi anh H về Bá Thước sinh sống thì anh mang theo cả cháu L về, không cho chị Đ chăm sóc, chị Đ sợ anh H làm liều ảnh hưởng đến cháu nên đành phải để anh H mang theo con. Nguyện vọng của chị Đ là muốn được là người trực tiếp nuôi con, vì anh H không có việc làm ổn định, anh H đang nuôi bố đẻ già yếu và 03 con nhỏ của

người vợ trước đã mất, hơn nữa cháu Phúc L chưa đủ 36 tháng tuổi, mà chị Đ là giáo viên, có thu nhập ổn định. Chị Đ không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung nên chấp nhận, khi nào chị có yêu cầu thì giải quyết ở một vụ án khác; Tài sản chung, nợ nần chung: Chị Đ và anh H không yêu cầu giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị này.

Từ những phân tích trên:

Căn cứ vào các Điều 56, điều 58, điều 81, điều 82, điều 83, điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điều 28, điều 35, khoản 4 điều 147, điều 271, điều 273, điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 147, điều 148, điều 278, điều 282 và điều 372 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 5 điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UNTVQH14 ngày 30/12/2016.

Đề nghị Hội đồng xét xử, xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hà Thị Đ:

- Về Hôn nhân: Xử cho chị Hà Thị Đ đơn phương ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Phúc L, sinh ngày 20/02/2018 cho chị Hà Thị Đ là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành. Không ai được ngăn cấm, cản trở anh Nguyễn Văn H thăm nom con chung. Anh Nguyễn Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về anh phí: Chị Hà Thị Đ tự nguyện nộp án phí, nên chị phải nộp 300.000$^{đ}$ án phí theo quy định.

- Kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

- Kiến nghị, đề xuất khác: Không.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ điều vào các điều 28, điều 35, điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình thì Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa thuộc thẩm quyền giải quyết. Bởi vì, anh Nguyễn Văn H từ khi kết hôn với chị Đ, đã nhập khẩu về bản Chiềng, xã Nam Động, huyện Quan Hóa và thường xuyên cư trú, sinh sống tại đây cho đến đầu tháng 3/2020, việc này đã được Ban công an xã Nam Động, huyện Quan Hóa xác nhận. Đến cuối tháng 3/2020 anh H mới về huyện Bá Thước sinh sống, việc này đã được Ban công an xã Điền Lư, huyện Thước xác nhận. Việc anh Nguyễn Văn H yêu cầu chuyển hồ sơ về huyện Bá Thước để giải quyết là không có cơ sở chấp nhận, bởi vì: Khi anh H kết hôn với chị Đ thì anh đã nhập khẩu về bản Chiềng, xã Nam Động, huyện Quan Hóa sinh sống liên tục, thường xuyên cho đến đầu tháng 3/2020, còn việc anh không cắt khẩu ở thôn Điền Lý, xã Điền Lý huyện Bá Thước thì đây là một hành vi gian dối của anh trong khai báo hộ tịch, đồng thời sau đó anh chị lại chuyển khẩu của chị Đ về xã Điền Lư,

huyện Bá Thước với mục đích chỉ để vay ngân hàng, chứ thực tế thì anh chị không sinh sống tại thôn Điền Lý, xã Điền Lư, huyện Bá Thước.

Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình có con chưa thành niên và trong quá trình giải quyết vụ án, do các bên đương sự chưa thống nhất được các vấn đề tranh chấp trong vụ án nên Tòa án đã tiến hành xác minh để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 BLTTDS và đã thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự cũng nhưng VKS được biết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự, nhưng anh Nguyễn Văn H không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho anh Nguyễn Văn H theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS.

Anh Nguyễn Văn H đã được triệu tập hợp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng anh Hoàng đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 BLTTDS.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Nguyễn Văn H đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt nhiều lần không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn H.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp "Ly hôn và nuôi con chung". Căn cứ điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự, thì chị Hà Thị Đ là nguyên đơn; anh Nguyễn Văn H là bị đơn.

[3] Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đối với Nguyên đơn luôn chấp hành theo sự triệu tập của tòa án và thực hiện tốt quyền, nghĩa vụ của mình cũng như các quy định khác của pháp luật quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn Nguyễn Văn H đã được nhận Thông báo thụ lý vụ án, đã viết bản tự khai, ghi lời khai, cung cấp tài liệu chứng cứ; nhưng triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng đã vắng mặt, khi Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa đều vắng mặt, không có lý do. Qua xác minh tại địa phương xã Nam Động huyện Quan Hóa thì anh Nguyễn Văn H đã rời khỏi địa bàn xã Nam Động từ cuối tháng 3/2020 về xã Điền Lư, huyện Bá Thước sinh sống. Tòa án đã xác minh tại xã Điền Lư, huyện Bá Thước thì anh H trở về địa phương sinh sống vào khoảng cuối tháng 3/2020, khi về có mang theo cháu Nguyễn Phúc L nhưng chưa nhập khẩu về xã để quản lý, hiện nay anh vẫn có mặt tại địa phương, thường đi bán hàng rong, sáng đi tối về. Như vậy, anh đã biết việc Tòa án thụ lý vụ án giải quyết nhưng anh H vẫn cố tình trốn tránh, khi đi khỏi địa phương không thống báo cho Tòa án và đương sự khác biết, khi Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng cho anh tại xã Điền Lư, huyện Bá Thước thì anh không nhận và luôn trốn tránh. Như vậy là anh H đã không

hợp tác trong giải quyết vụ án cũng như việc tham gia phiên tòa. Do vậy, Bị đơn chấp hành chưa tốt nghĩa vụ, không tham gia phiên tòa quy định tại điều Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về hôn nhân: Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án; trình bày của nguyên đơn tại đơn khởi kiện, bản khai, biên bản xác định mâu thuẫn và tại phiên tòa thì: Chị Hà Thị Đ và anh Nguyễn Văn H kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn, như vậy là không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 điều 28 BLTTDS. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian dài, đến đầu tháng 3/2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, luôn bất đồng quan điểm nên hay sảy ra cãi vã và anh chị đã sống ly thân cho đến nay, hiện tại mỗi người một nơi, không còn qua lại, không quan tâm gì đến nhau nữa. Ngoài ra, qua xác minh tại xã Nam Động, huyện Quan Hóa thì anh H còn tham gia cờ bạc, lô đề, phát tán tài sản, nợ nần nhiều người tại địa phương, vợ chồng thường xuyên cải vả nhau đã được địa phương nhắc nhở nhiều lần, anh H còn đến nơi chị Đ công tác để xúc phạm danh dự, dọa đánh, giết chị Đ làm chị hoang mang, việc này đã được chính quyền xã Nam Động, huyện Quan Hóa xác nhận. Nay, chị Hà Thị Đ nhất quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Nguyễn Văn H, HĐXX nhận thấy mâu thuẫn của vợ chồng chị Đ và anh H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, trong hôn nhân đã có bạo lực gia đình. Vì vậy, cần căn cứ điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình xử cho chị Hà Thị Đ được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

[5] Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Chị Hà Thị Đ và anh Nguyễn Văn H có một con chung là cháu Nguyễn Phúc L, sinh ngày 20/02/2018, hiện cháu đang ở với anh H, cháu phát triển bình thường về thể chất, trí lực; việc anh H không cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu L là để uy hiếp và níu kéo chị Đ. Xét thấy, anh H không có việc làm ổn định, thu nhập bấp bênh, bản thân anh H đang phải chăm sóc bố đẻ già yếu và 03 con nhỏ cùng với người vợ đầu đã mất, một mình bố đẻ già yếu của anh H phải trông nom 04 cháu nhỏ là con của anh H, nên yêu cầu của anh Nguyễn Văn H về nguyện vọng muốn được nuôi cháu L sẽ không được đảm bảo quyền lợi cho cháu, nên HĐXX không chấp nhận. Xét về điều kiện của chị Hà Thì Đ thì sẽ tốt hơn cho cháu Nguyễn Phúc L, vì chị Đ là giáo viên, có công việc ổn định, thu nhập thường xuyên hàng tháng từ lương gần 13.000.000đ (Mười ba triệu đồng), có nhà ở trung tâm của xã nên rất thuận lợi cho sự chăm sóc và phát triển của cháu và hiện nay cháu L chưa đủ 36 tháng tuổi. Vì vậy, nên chấp nhận yêu cầu của chị Hà Thị Đ, đó là: Giao cháu Nguyễn Phúc L cho chị Hà Thị Đ là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành (theo khoản 3 điều 81 Luật Hôn hân và Gia đình. Anh H có trách nhiệm giao lại cháu Nguyễn Phúc L cho chị Hà Thị Đ khi án có hiệu lực pháp luật. Chị Đ không yêu cầu cấp dưỡng, nên anh Nguyễn Văn

H không phải cấp dưỡng nuôi con chung, chị Đ có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung khi thấy cần thiết, theo quy định của pháp luật. Anh H có quyền có quyền đi lại thăm non con chung, không ai được ngăn cấm, cản trở và có quyền làm đơn thay đổi người trực tiếp nuôi con khi có căn cứ của pháp luật.

[6] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Hà Thị Đ và anh Nguyễn Văn H không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí: Chị Hà Thị Đ phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Kiến nghị, đề xuất: Đề nghị Ban Công an xã Nam Động, huyện Quan Hóa và Ban Công an xã Điền Lư, huyện Bá Thước kiểm tra, xem xét lại thủ tục về đăng ký hộ khẩu thường trú của chị Hà Thị Đ và anh Nguyễn Văn H tại địa phương.

Vì các lẽ trên:

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 28, điều 35, điều 39, điều 68, khoản 4 điều 147, khoản 3 Điều 208, khoản 3 điều 210, điều 227, điều 228, điều 273, điều 278 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Điều 147, điều 148, điều 278, điều 282 và điều 372 Bộ luật Dân sự;

Điều 8, điều 9, khoản 1 điều 51, điều 56, điều 57, điều 58, khoản 3 điều 81, điều 82, điều 83, điều 84 và điều 88 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Khoản 1 điều 24, khoản 5 điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

**Tuyên xử:**

**1**. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị Đ.

1.1. Về Hôn nhân: Cho Hà Thị Đ ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

1.2. Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Phúc L, sinh ngày 20/02/2018 cho chị Hà Thị Đ là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành (Đủ 18 tuổi). Ghi nhận sự tự nguyện của chị Hà Thị Đ không yêu cầu anh Nguyễn Văn H cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Nguyễn Văn H có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm, cản trở. Vì quyền lợi mọi mặt của người con khi cần thiết, anh H có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, chị Đ có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định.

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, anh Nguyễn Văn H có trách nhiệm giao cháu Nguyễn Phúc L cho chị Hà Thị Đ.

1.3. Về tài sản, công nợ chung: Chị Đ không yêu cầu, nên không xét.

**2**. Về án phí: Chị Hà Thị Đ phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí HNGĐ sơ thẩm, số tiền này được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị Đ đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2015/0004278 ngày 07/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quan Hóa.

**3**. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Án xử công khai, có mặt Nguyên đơn, vắng mặt Bị đơn. Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận bản án hoặc tống đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

*Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7, điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án căn cứ điều 30 luật Thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***
- Phòng KTNV - TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Quan Hóa;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục Thi hành án dân sự H. Quan Hóa;
- UBND xã Nam Động, H. Quan Hóa -Thanh Hóa;
- UBND xã Điền Lư, huyện Bá Thước -Thanh Hóa;
- Ban CA xã Nam Động, H. Quan Hóa - Thanh Hóa;
- Ban CA xã Điền Lư, huyện Bá Thước - Thanh Hóa;
- Nguyên đơn Hà Thị Đ;
- Bị đơn Nguyễn Văn H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Tiến Dũng**